TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2024/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn: anh Đinh Đức T – chuyên viên xử lý nợ thẻ và tài chính vi mô – Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng T là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2023).

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 15/5/2024 là số tiền vốn vay 310.000.000đ *(Ba trăm mười triệu đồng),* lãi 94.526.299đ (*Chín mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi chín đồng).* Tổng cộng 404.526.299đ (*Bốn trăm lẻ bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi chín đồng)* và phải trả tiếp tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2024 theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 178/22/HĐTD/1702-7883 ngày 28/5/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

2.2. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 10/11/2023 nợ gốc 39.498.717đ *(Ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi*

tám ngàn bảy trăm mười bảy đồng), lãi phát sinh còn lại 9.691.764đồng *(Chín triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng*), phí phát sinh còn lại 4.294.958đ *(Bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi tám đồng)*. Tổng cộng 53.485.439đ *(Năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng)* và phải trả tiếp tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/11/2023 theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongbank số 0173/21/BD/1702-07883 ngày 10/6/2021 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 173/21/HĐTC-BĐS/1702-7883 ngày 10/6/2021 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 114, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.463,2m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long số BL660193, số vào sổ cấp GCN số CH05719 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/4/2014 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thửa 105, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.777,9m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long số BL660194, số vào sổ cấp GCN số CH05720 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/4/2014 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tđứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thửa 168, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.634,7m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long số BL660195, số vào sổ cấp GCN số CH05721 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/4/2014 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Án phí đối với nghĩa vụ trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 178/22/HĐTD/1702-7883 ngày 28/5/2022 là 10.090.525đồng (*Mười triệu không trăm chín mươi ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng)*. Các bên thỏa thuận bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ttự nguyện nộp toàn bộ án phí là 10.090.525đồng *(Mười triệu không trăm chín mươi ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).* Cụ thể ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi người nộp 50% bằng 5.045.262đồng *(Năm triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi hai đồng)* nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn 50% án phí đối với phần ông T phải chịu là 2.522.631đ (*Hai triệu năm trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi mốt*

đồng), ông T phải nộp 50% án phí theo quy định là 2.522.631đ *(Hai triệu năm trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi mốt đồng).*

2.4.2. Án phí đối với nghĩa vụ trả số tiền nợ vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongbank số 0173/21/BD/1702-07883 ngày 10/6/2021 là 1.337.135đ *(Một triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).* Các bên thỏa thuận bị đơn ông Nguyễn Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 1.337.135đ *(Một triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng)* nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn 50% án phí đối với phần ông T phải chịu là 668.567đ (*Sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng)*, ông T phải nộp 50% án phí theo quy định là 668.567đ *(Sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng).*

2.4.3. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 10.368.000đ *(Mười triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0011189 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Tuyền